TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI B	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-PT

Ngày: 22/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà và ông Vũ Duy Luân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLPT-HS ngày 07/3/2023 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXPT-HS ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Thị D**, sinh ngày 10/01/1992 tại Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện D1, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Thôn T5, xã D2, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Phạm Văn T3 và bà Trần Thị T4. Có chồng là Vũ Văn H, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh tháng 10/ 2022.

Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2022 đến nay. (Có mặt)

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị: Vũ Tiến D4, Nguyễn Bá D4, Phạm Xuân C, Đỗ Thị Ngọc H1 không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI D VỤ ÁN

Theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái B, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/6/2022, Vũ Tiến D4 đi đến khu vực đường sắt ở thành phố H2 gặp và mua 01 túi ma túy ketamine được chứa trong 01 túi nilon trong suốt

có mép cài và viền màu xanh với giá 2.000.000 đồng của một nam giới khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ. D4 cất túi ma túy vào trong túi chéo đeo trước ngực bằng vải màu đen, sau đó bắt xe về thành phố T. Khi D4 đang trên đường về thì Phạm Thị D, là bạn D4, gọi điện cho D4 hỏi thời gian D4 về, sau đó D sang gặp Nguyễn Bá D4 cũng là bạn của D4 bảo D4 khi nào D4 về thì đi đón, D4 đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, D4 chở D4 về đến khu trọ thuê của ông Hà Văn Q, tại thôn T5, xã D2, thành phố T, tỉnh Thái Bìnhthì gặp D đang ở sân của khu trọ, Trong khi D và D4 nói chuyện thì D4 lấy từ trong túi vải ra 01 túi ma túy Ketamine mua trên Hà Nội trước đó đưa cho D. D nhận túi ma túy D4 đưa cầm lên xem, D4 nói với D "Chị D ơi chị xem có khác Thái B không?". D nói "nhiều hơn". Sau đó D gọi cho C bảo C về khu nhà trọ. Trong thời gian chờ C về thì D nói chuyện với D4 về việc lượng ma túy D4 mua có đủ để 4 đến 5 người sử dụng hay không và có ý là cần phải mua thêm. Lúc này C về khu trọ, D, C, D4 bàn về việc D4 mang ma túy từ Hà Nội về, D có nói với C: "nay em nó về thì tổ chức cho nó tí". C nói với D4 về việc góp tiền cùng mua ma túy về sử dụng chung. D4 gọi cho H1 trao đổi về nội D trên và được H1 đồng ý. Sau đó D4 hỏi C bàn bạc việc mua thêm ma túy dạng kẹo. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày tại khu trọ, D4 ngồi ở bàn uống nước lấy túi ma túy Ketmine của D4 đổ ra một ít xào để dùng thử, thấy vậy thì D4 bảo "Em chơi với". D4 đưa cho D4 chỗ ma túy đã xào còn lại để D4 sử dụng. Sau đó D4 đi tìm loa để nghe nhạc. Khoảng 10 phút sau thì H1 về nhà trọ vào phòng gặp D4, H1 đưa cho D4 1.000.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để góp tiền mua ma túy. Khi D4 đang ở phòng trọ thì D nhắn tin cho D4 ra nói chuyện, D4 ra ngoài sân thì D nói với D4 "Tiền đồ" (D4 hiểu ý là tiền D đưa để góp vào mua ma túy về tổ chức sử dụng) đồng thời D đưa cho D4 800.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) sau đó D chuyển khoản thêm cho D4 600.000 đồng, tổng cộng D đưa cho D4 1.400.000 đồng. Sau đó D4 đi xe máy đến khu vực đường tránh S1 thuộc thôn Tú Linh, xã Tân B, thành phố T để mua ma túy, D4 gặp một nam giới khoảng 45 tuổi, không biết tên tuổi hỏi mua nửa chỉ Ketamine và ba viên kẹo hết 2.400.000 đồng, người nam giới nhận tiền và đưa lại cho D4 01 túi nilon trong suốt có mép cải viền màu đỏ trong chứa 03 viên kẹo (MDMA) hình kim cương màu xanh và chất tinh thể màu trắng. D4 cầm túi ma túy ở lòng bàn tay trái đi về khu trọ. Khi về đến nơi, D4 gặp C và D4 đang ngồi uống nước, D4 đưa túi ma túy cho D4 xem, D4 đưa cho C xem, xem xong thì đặt lên mặt bàn uống nước. D4 hỏi C "Chơi phòng nào anh?, C nói "Chơi phòng H1 và mày đi", D4 gọi điện trao đổi với H1 được H1 đồng ý. Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 06/6/2022 sau khi D4, C. D4 và H1 đi ăn đêm về, tại phòng trọ của

H1 và D4. D4 lấy túi ma túy Ketamine của D4 để lên mặt bàn sau đó đi lấy đèn xoay màu trắng từ trong balô của D4 rồi kết nối loa với điện thoại để mở nhạc, H1 đi lấy đĩa, D4 đưa cho D4 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để cuộn thành ống hút cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá mẫu vàng rồi để lên mặt bàn. Lúc này D sang phòng của Quảng Thị Ninh B, gọi B sang phòng H1 chơi, B đồng ý và đi sang phòng H1. Khi sang phòng H1, B thấy có đĩa, bật lửa và đèn xoay thì B biết D bảo B sang sử dụng ma túy với mọi người. H1 cầm đĩa sứ đặt xuống chiếu, mọi người ngồi thành vòng tròn. Tính từ cửa ra vào thì B ngồi ở cửa bên tay phải, tiếp đến là D4, Cưởng, D, D4, H1. D4 lấy túi ma túy vừa mua lấy 03 viên ma túy kẹo ra, 01 viên D4 bẻ làm đôi để D4 và H1 sử dụng, 02 viên còn lại D4 đưa cho C và B mỗi người một viên, B nhận viên kẹo và bẻ làm đôi sử dụng một nửa còn một nửa B để trên mặt bàn, D4 lấy nửa viên B để trên mặt bàn tự sử dụng, C sử dụng hết 01 viên. Sau đó D4 nói với mọi người là đi ăn đêm rồi bỏ đi. Sử dụng kẹo xong, D4 cầm túi ma túy Ketamine do D4 mua đổ vào đĩa rồi dùng bật lửa hơ nóng đáy đĩa để xào ke và kẻ thành các đường nhỏ, D4 mời C sử dụng, tiếp đó đến H1 sử dụng. Sau đó D4 để đĩa ma túy đã xào trên mặt bàn. Lúc này D vào phòng ngồi cạnh C nhưng không sử dụng ma túy. B lấy đĩa ma túy và tự sử dụng. D4 tự kẻ ma túy và sử dụng. Khi sử dụng ma túy xong D đã đưa nước cho mọi người uống để cho tỉnh táo hơn. Sau đó D về phòng của D một lúc rồi quay lại ngồi cạnh C. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày thì tổ công tác của Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình kết hợp với Công an xã Đông Mỹ, thành phố T, tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra, phát hiện.

- Kết luận giám định số 217/KL-KTHS(MT) ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 (một) túi nilon trong suốt có mép cài viền màu xanh (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine và Methamphetamine, có khối lượng 0,2339 gam. Chất dạng tinh thể màu trắng bảm dính trong 01 (một) túi nilon trong suốt có mép cải viễn đó (ký hiệu M2) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine và Methamphetamine, không xác định được khối lượng do lượng mẫu bám dính ít. Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trên: 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuốn thành dạng ống và được cố định bằng 03 (ba) vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng và 01 (một) thẻ dựng SIM màu xanh có chữ mobifone (ký hiệu M3) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine và Methamphetamine, không xác định được khối lượng do lượng mẫu bám dính ít (bút lục số 123, 124).

- Kết luận giám định số 219/KL-KTHS(MT) ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Trong mẫu nước tiểu thu của Vũ

Tiến D4, Phạm Xuân C, Đỗ Thị Ngọc H1, Quàng Thị Ninh B, Nguyễn Bá D4 gửi giám định đều chứa sản phẩm chuyển hóa của ba loại ma túy MDMA, Methamphetamine và Ketamine. Trong mẫu nước tiểu thu của Phạm Thị D gửi giám định không chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy (bút lục số 129).

Bản án sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Tiến D4, Nguyễn Bá D4, Phạm Xuân C, Đỗ Thị Ngọc H1 và Phạm Thị D phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị D 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

Bản án sơ thẩm đã xử: Bị cáo Vũ Tiến D4 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, bị cáo Nguyễn Bá D4 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 09 tháng tù của Bản án số 57/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện D5, tỉnh Thái B, buộc bị cáo Nguyễn Bá D4 phải chịu mức hình phạt 10 năm 06 tháng tù; bị cáo Phạm Xuân C 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Đỗ Thị Ngọc H1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2023, bị cáo Phạm Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị D khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm. Bị cáo D giữ nguyên nội D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thời điểm phạm tội bị cáo đang có thai; Bị cáo có ông nội, ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và hạng Nhất. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, tham gia với vai trò giản đơn. Bị cáo là lao động chính D4 nhất vì đã ly thân với chồng, bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh ngày 05/10/2022 là con chung của bị cáo C cùng vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo D, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D.

Bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo đã đúng người, đúng tội nhưng quá năng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình để cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị D thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng hơn 01 giờ ngày 06/6/2022, tại phòng trọ của bị cáo H1 và C, các bị cáo D4, H1, C, B và D đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D tuy không sử dụng nhưng là người biết và đồng ý với việc tổ chức sử dụng ma túy, góp 1.400.000 đồng và trực tiếp đưa tiền cho D4 để mua ma túy cho mọi người cùng sử dụng trong đó có B là người chưa thành niên. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, làm lan tràn tệ nạn ma túy trong cộng đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã bị cáo Phạm Thị D về "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Điều 255. Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

d) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;

đ) Đối với người đang cai nghiện;

……

[3] Xét nội D kháng cáo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vai trò của bị cáo trong vụ án, xét bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội là phụ nữ có thai và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giao nộp chứng cứ chứng minh bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ

hạng Nhì, ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, tuy nhiên ngoài 2 văn bản Huân chương kháng chiến chống Mỹ trên không có tài liệu nào để xác định là ông nội và ông ngoại bị cáo như giấy khai sinh của bố mẹ bị cáo, như vậy bị cáo không được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo với 2 tình tiết định khung là phạm tội đối với 02 người trở lên và đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi với mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 7 năm tù, mức án này Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo D là đúng quy định tại Điều 50 Bộ luật Hình sự về căn cứ quyết định hình phạt. Đối với bản sao giấy khai sinh của cháu Phạm Cường A sinh ngày 5/10/2022 do bị cáo D cung cấp, thì thấy cháu bé có họ tên mẹ là Phạm Thị D, phần ghi họ tên bố để trống, tài liệu này không thuộc trường hợp nào quy định giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị D.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị D phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Thị D 07 (bảy) năm tù,** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22/5/2023./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Thái B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hành chính tư pháp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Hằng